TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 39/2025/QĐST-HNGĐ
Ngày 05/5/2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hải Bằng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025 về Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 220/2025/QĐMPH-HNGĐ ngày 25/4/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. Người yêu cầu:

- Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1988; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện ở Đài Loan.

- Anh **Mai Xuân Đ**, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chị Đỗ Thị T: Ông Đỗ Đình N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, người yêu cầu là chị Đỗ Thị T, anh Mai Xuân Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/02/2012 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian, đến khoảng năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 11/2020 chị T đi Đài Loan lao động, vợ chồng không có thời gian dành cho nhau nên tình cảm ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh Đ nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Mai Xuân T1 sinh ngày 06/10/2012 và Mai Thị Ngân H sinh ngày 24/4/2015, hiện đang ở cùng ông N tại thôn T, xã H, huyện N. Chị T và anh Đ thống nhất chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; vợ chồng tự thoả thuận về chi phí cấp dưỡng, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chị T đang ở Đài Loan nên uỷ quyền cho bố đẻ là ông N thay chị chăm sóc các con chung trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị T và anh Đ đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Chị T uỷ quyền cho ông Nhất là người đại diện của chị T trong vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chị Đỗ Thị T là ông Đỗ Đình N trình bày:

Ông Nhất là bố đẻ của chị T. 02 con chung của chị T, anh Đ là Mai Xuân T1 sinh ngày 06/10/2012 và Mai Thị Ngân H sinh ngày 24/4/2015 đang ở với ông. Hiện chị T, anh Đ đang yêu câu Toà án giải quyết về ly hôn, chị T uỷ quyền cho ông là người đại diện thì đồng ý nhận uỷ quyền, cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền. Ông N trình bày hiện chị T đang ở Đài Loan nên nếu chị T được giao quyền nuôi con, ông N đồng ý thay chị T chăm sóc các cháu cho đến khi chị T về Việt Nam, chi phí chăm sóc không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông N đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình, đề nghị Thẩm phán áp dụng quy định của pháp luật, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Mai Xuân Đ; công

nhận sự thoả thuận giữa chị T và anh Đ về việc giao con chung Mai Xuân T1 sinh ngày 06/10/2012 và Mai Thị Ngân H sinh ngày 24/4/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho ông Đỗ Đình N chăm sóc thay cho đến khi chị T về Việt Nam; công nhận sự thoả thuận của chị T và anh Đ về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị T và anh Đ mỗi người phải chịu một nửa lệ phí giải quyết việc (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T và anh Đ yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung. Chị T, anh Đ đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị T ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Toà án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 11/2020 chị T đi Đài Loan lao động, vợ chồng không có thời gian dành cho nhau nên tình cảm ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Mai Xuân T1 sinh ngày 06/10/2012 và Mai Thị Ngân H sinh ngày 24/4/2015, hiện đang ở cùng ông N. Chị T và anh Đ thống nhất chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con

chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên có căn cứ chấp nhận. Chị T uỷ quyền cho ông N thay chị chăm sóc các con trong thời gian chị T không ở Việt Nam thì ông N đồng ý nên có căn cứ chấp nhận đề nghị này của chị T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ thống nhất không yêu cầu nên cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu cả lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 367, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Mai Xuân Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Đỗ Thị T và anh Mai Xuân Đ về việc giao 02 con chung là Mai Xuân T1 sinh ngày 06/10/2012 và Mai Thị Ngân H sinh ngày 24/4/2015 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho ông Đỗ Đình N chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

Anh Mai Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Đỗ Thị T và anh Mai Xuân Đ về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

4. Về lệ phí: Chị Đỗ Thị T và anh Mai Xuân Đ mỗi người phải chịu 150.000 đồng, tổng 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng do ông Đỗ Đình N nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 18/4/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001781; chị T, anh Đ đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng